

Bản án số: 30/2023/DS-ST

Ngày: 04-05-2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cao
2. Ông Nguyễn Văn Luân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1970. Địa chỉ: 654 KDC T, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Y, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông T, bà D có mặt, bà Y vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Mỹ D trình bày:*

Vào ngày 03/11/2018, vợ chồng ông T và bà D có cho bà Y vay số tiền là 50.000.000đ, thời hạn vay là 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất trong giấy mượn tiền nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Đến hạn trả nợ, ông T và bà D đã liên hệ đòi tiền nhiều lần nhưng bà Y không trả. Quá trình vay mượn không có ai chứng kiến nhưng ông T và bà D có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Y. Nay ông T và bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà

Nguyễn Thị Thanh Y trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Mỹ D số tiền gốc là 50.000.000đ, lãi suất tính từ ngày vay tới ngày xét xử sơ thẩm là 1%/tháng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D vắng mặt không lý do, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu:*

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, quan hệ pháp luật việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Ông T, bà D khởi kiện yêu cầu bà Y trả số tiền gốc là 50.000.000đ, lãi là 1%/tháng kể từ ngày vay. Ông T và bà D cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 03/01/2018. Đến hạn trả nợ, ông T và bà D đã liên hệ nhiều lần nhưng bà Y không trả. Quá trình giải quyết bà Y đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là giấy mượn tiền. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu về việc trả nợ gốc của nguyên đơn. Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính 1%/tháng. Tại giấy mượn tiền không thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất, ông T và bà D cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc trả lãi nên đề nghị HĐXX xem xét lãi suất là 0.833%/tháng (tương đương 10%/năm) theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Ngoài ra, quá trình giao dịch ông T và bà D có giữ của bà Y bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 690821 do UBND huyện Bến Lức cấp ngày 12/7/2013. Tại phiên tòa, ông T và bà D đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[2] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Y đã được Tòa án nhiều lần triệu tập tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

[3.1] Ông T và bà D khởi kiện cho rằng vào ngày 03/11/2018, vợ chồng ông T và bà D có cho bà Y vay số tiền là 50.000.000đ, thời hạn vay là 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất trong giấy mượn tiền nhưng thực tế các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Khi vay hai bên có làm hợp đồng mượn tiền đề cùng ngày, do ông T viết, bà Y ký tên. Để tạo sự tin tưởng, bà Y đã giao cho ông T giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 690821 do UBND huyện Bến Lức cấp ngày 12/7/2013, sổ vào sổ CH07932. Quá trình giải quyết vụ án, bà Y không có

mặt mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Đối chiếu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án với lời khai của ông T và bà D, HĐXX có căn cứ xác định bà Y nợ ông T, bà D số tiền 50.000.000đ. Do đó yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ gốc của ông T, bà D là có căn cứ.

[3.2] Về lãi suất: Ông T và bà D yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà D cho rằng chưa được thanh toán tiền lãi từ khi cho vay đến nay nhưng trong giấy mượn tiền các bên không thỏa thuận lãi suất. Do đó, lãi suất được tính từ khi bà Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 03/02/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Về mức lãi suất, do các bên không xác định được lãi suất trong quá trình giao dịch và không có chứng cứ khác chứng minh nên HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính là 0.833%/tháng (tương đương 10%/năm).

Lãi suất được tính:  $50.000.000đ \times 0.833 \% \times 51 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 21.255.000đ$

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu mà ông T và bà D được chấp nhận. Ông T và bà D phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Mỹ D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Y.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Y trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Mỹ D số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi là 21.255.000đ (hai mươi một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng là 71.255.000đ (bảy mươi một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Mỹ D giao lại cho bà Nguyễn Thị Thanh Y bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 690821, số vào sổ CH07932 do UBND huyện Bến Lức cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh Y vào ngày 12/7/2013.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.562.750đ (ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng), ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Mỹ D phải liên đới chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA-DS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Thu**